TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 5 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Ông Trần Văn Thơi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1995; địa chỉ Số 43/2, khu vực D, phường H, quận T1, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1985; địa chỉ Ấp 6, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2022, ngày 04 tháng 01 năm 2023, các đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15 tháng 02 năm 2023, ngày 08 tháng 5 năm 2023, đơn yêu cầu ngày 09 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu A trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, chị và anh Nguyễn Minh S tổ chức lễ cưới năm 2021 và đăng ký kết hôn ngày 19/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S không chí thú làm ăn tạo lập kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con sau sinh. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhũ anh S nhưng không đạt kết

quả, dẫn đến vợ chồng cự cải, mất hạnh phúc. Nên chị mang con về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống và ly thân với anh S từ ngày 04/6/2022 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh S có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10/12/2021. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Ngoài vàng trang sức ngày cưới như anh S trình bày, chị và anh S còn có các tài sản chung khác. Chị thống nhất việc anh S rút lại yêu cầu chia vàng trang sức ngày cưới, để chị và anh S tự thỏa thuận cùng với các tài sản khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2023, đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2023, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Minh S trình bày:

Thống nhất lời trình bày của chị Thu A về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, con chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, thống nhất một phần lời trình bày của chị Thu A về nguyên nhân mâu thuẫn và tài sản chung.

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Thu A và yêu cầu khởi kiện của anh về việc chia tài sản khi ly hôn, anh có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Thu A.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh đồng ý giao cháu Thư cho chị Thu A được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh đồng ý tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24 K trang sức ngày cưới gồm 01 dây chuyền trọng lượng 05 chỉ, 01 lắc tay trọng lượng 04 chỉ, 01 đôi bông trọng lượng 01 chỉ; yêu cầu chị Thu A trả lại cho anh tài sản riêng là 01 nhẫn vàng 18 K trọng lượng 01 chỉ 04 phân.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Thu A và anh S đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử và việc anh Sơn rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn:

[2.1] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, chị Thu A không yêu cầu giải quyết về tài sản, chị Thu A và anh S không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.2] Xét việc anh Sơn rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn là 10 chỉ vàng 24 K trang sức ngày cưới, rút yêu cầu chị Thu A trả lại 01 nhẫn vàng 18 K trọng lượng 01 chỉ 04 phân là tự nguyện, chị Thu A thống nhất không phản đối, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của anh S đã rút.

[3] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Thu A, anh S đã được triệu tập xét xử hợp lệ vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt chị Thu A, anh S theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Xét lời trình bày của chị Thu A trong đơn khởi kiện và lời trình bày của anh S trong quá trình giải quyết vụ án trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử đã thuận tình ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thu A và anh S.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Căn cứ vào các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của chị Thu A, ý kiến của anh S, Tòa án giải quyết giao cháu T2 cho chị Thu A được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị Thu A không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thu A, chấp nhận ý kiến của anh S giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét chị Thu A và anh S thuận tình ly hôn như nhận định, giải quyết tại mốc đơn [1] "*Về nội dung*". Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị Thu A và anh S mỗi người phải chịu một nữa án phí thuận tình ly hôn. Theo đó:

[1] Chị Thu A phải nộp án phí số tiền 75.000 đồng được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp nên hoàn trả cho chị Thu A được nhận lại số tiền 225.000 đồng.

[2] Anh S phải nộp án phí số tiền 75.000 đồng được khấu trừ vào trong số tiền 746.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp nên hoàn trả cho anh S được nhận lại số tiền 671.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu A và anh Nguyễn Minh S.

2. Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2021 cho chị Nguyễn Thị Thu A được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị Thu A không yêu cầu anh Nguyễn Minh S cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Nguyễn Minh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

3.1. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Minh S đã rút đối với yêu cầu chia tài sản chung là 10 (Mười) chỉ vàng 24 K trang sức ngày cưới và yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu A trả lại 01 (Một) nhẫn vàng 18 K trọng lượng 01 (Một) chỉ 04 (Bốn) phân.

3.2. Chị Nguyễn Thị Thu A không yêu cầu giải quyết vấn đề gì về tài sản nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc chị Nguyễn Thị Thu A phải nộp án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị Thu A đã nộp theo biên lai thu số No 0011158 ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Nên hoàn trả cho chị Thu A được nhận lại số tiền 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

5.2. Buộc anh Nguyễn Minh S phải nộp án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 746.000 (Bảy trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai thu số No 0011300 ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Nên hoàn trả cho anh S được nhận lại số tiền 671.000 (Sáu trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Vụ án được xét xử công khai. Vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu A, anh Nguyễn Minh S. Báo cho chị Thu A, anh S biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã L: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.